NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THAM GIA THẢO LUẬN KHI HỌC KĨ NĂNG NÓI TIẾNG ANH

HÀ THỊ HỒNG MAI* - BÙI THỊ THU GIANG - HOÀNG THỊ NHUNG*****

TÓM TẮT: Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia hoạt động thảo luận trong việc học kĩ năng nói của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh ở một trường đại học ở Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp. Công cụ nghiên cứu là bảng câu hỏi khảo sát với 110 sinh viên và phỏng vấn bán cấu trúc với 11 sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy có ba nhóm yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia thảo luận của sinh viên bao gồm: (1) Các yếu tố về nhận thức, tâm lí, (2) Kiến thức nền và kiến thức ngôn ngữ, và (3) Các yếu tố liên quan đến việc tổ chức các hoạt động thảo luận.

TỪ KHÓA: yếu tố; kĩ năng nói; tiếng Anh; thảo luận; tham gia.

NHẬN BÀI: 26/9/2022. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 21/11/2022

1. Đặt vấn đề

Giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh đóng vai trò ngày càng quan trọng trong xã hội hiện đại, đặc biệt là trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Để có thể giao tiếp thành công, người sử dụng tiếng Anh cần thông thạo cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Trong đó, kĩ năng nói được xem là kĩ năng đóng vai trò quyết định. Do đó, việc giảng dạy kĩ năng nói trở thành một trong những trọng tâm trong bất cứ chương trình giảng dạy ngoại ngữ nào. Việc giảng dạy kĩ năng nói theo đó cần được thiết kế với những hoạt động phù hợp với từng trình độ để người học có thể đạt được những mục tiêu giao tiếp cụ thể, ở mức độ thành thạo, đáp ứng yêu cầu giao tiếp trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc. Các hoạt động phổ biến thường được sử dụng trong giảng dạy kĩ năng nói bao gồm đóng vai, thuyết trình, phỏng vấn, thảo luận, tranh luận. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong một khóa học để đạt được kết quả tốt nhất. Tuy nhiên có một số hoạt động phù hợp hơn với từng trình độ. Cụ thể, hoạt động thảo luận được xem là hoạt động phù hợp để giảng dạy kĩ năng nói do việc thảo luận tạo cơ hội cho người học không những phát triển năng lực nói mà còn giúp phát triển khả năng lập luận và kĩ năng giải quyết vấn đề (Rao, 2018). Tuy nhiên, những nghiên cứu hiện tại về hoạt động thảo luận chủ yếu tập trung mô tả cách thức triển khai hoạt động thảo luận hoặc hiệu quả của việc áp dụng hoạt động thảo luận trong việc giảng dạy kĩ năng nói nói chung. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia của sinh viên vào hoạt động thảo luận còn hạn chế. Vì thế, bài viết này nhằm mục đích tìm hiểu những nhận định của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh về về các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia hoạt động thảo luận khi học kĩ năng nói tiếng Anh tại một trường công lập, từ đó đưa ra những đề xuất nhằm hạn chế những khó khăn và tăng tính hiệu quả của hoạt động thảo luận trong việc học kĩ năng nói tiếng Anh ở trình độ cao cho sinh viên ngành ngôn ngữ.

* *TS; Trường Ngoại ngữ-Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*
Email: hamai.nt80@gmail.com
** *Trường Ngoại ngữ-Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*
Email: buithithugiang@haui.edu.vn
*** *Trường Ngoại ngữ-Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;*
Email: hoangthinhung@haui.edu.vn

2. Lợi ích của hoạt động thảo luận

Theo Ewens (2000), hoạt động thảo luận là một trong những kĩ thuật giảng dạy nhấn mạnh vào việc tham gia trao đổi thông tin, giao tiếp hai chiều. Qua nhiều nghiên cứu, hoạt động thảo luận được chứng minh mang lại những lợi ích đáng kể trong việc học ngôn ngữ, đặc biệt trong việc học các kĩ năng sản sinh như kĩ năng nói và kĩ năng viết. Hoạt động thảo luận được xem là hoạt động hữu ích và thú vị nhất trong việc thực hành kĩ năng nói trong lớp học, mang lại cho sinh viên nhiều cơ hội để trao đổi suy nghĩ, kinh nghiệm, ý kiến thông qua việc sử dụng ngôn ngữ đích (Littlewood, 1981; Melvina, 2016). Các hoạt động thảo luận giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và các kĩ năng nhận thức bậc cao như kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá (Ewens, 2000; Menggo, 2016); nâng cao mức độ tự nhận thức, tôn trọng ý kiến cá nhân của người khác; nâng cao trách nhiệm với bản thân và với nhóm; phát triển kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề (Rao, 2018; Mohammed & Ahmed, 2021); tăng tính chủ động, tích cực, hứng thú trong học tập (Leeds, Stull, & Westbrook, 1998; Menggo, 2016); học hỏi lẫn nhau (Hertenstein, 1991); hiểu sâu hơn về môn học (Mohammed & Ahmed, 2021). Trong việc dạy và học kĩ năng nói tiếng Anh, việc tham gia tích cực vào các hoạt động thảo luận là một cách hiệu quả để rèn luyện kĩ năng nói, nâng cao khả năng thể hiện, trình bày ý kiến, trao đổi thông tin, rèn luyện khả năng nói trước đám đông, học được cách kiểm soát độ chính xác và tính trang trọng trong từng hoàn cảnh giao tiếp (Aleksandrzak, 2020). Trong quá trình thảo luận, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức, kĩ năng nói đã được học để tương tác với nhau, đồng thời có cơ hội để tập dượt cho những tình huống giao tiếp thực tế (Melvina, 2016). Bên cạnh đó, do các hoạt động thảo luận thường được thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm nên kĩ năng làm việc nhóm cũng là một trong số những lợi ích nổi bật (Melvina, 2016; Menggo, 2016). Như vậy, có thể thấy hoạt động thảo luận mang lại nhiều giá trị tích cực cho người học, không chỉ về tư duy, nhận thức, năng lực chuyên môn mà còn về các phẩm chất, kĩ năng cá nhân và xã hội.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia và hiệu quả của hoạt động thảo luận

Mặc dù hoạt động thảo luận mang lại cho người học những lợi ích đáng kể nhưng việc triển khai và thực hiện các hoạt động này không phải lúc nào cũng dễ dàng. Quá trình triển khai và thực hiện hoạt động thảo luận có thể gặp phải những rào cản nhất định. Trong nghiên cứu của mình, Aleksandrzak (2020) đã chỉ ra rằng, việc thảo luận trong lớp học thường bị chiếm ưu thế bởi một nhóm sinh viên, trong khi phần lớn số sinh viên còn lại thì thụ động. Ngoài ra, tâm lí lo lắng khi nói trước đám đông, tự ti, sợ mắc lỗi và hoạt động nói chưa gắn liền với giao tiếp thực tế cũng là những yếu tố cản trở sinh viên tham gia thảo luận. Theo Wade (1994) chủ đề thảo luận, không khí lớp học, và sự chuẩn bị trước khi thực hiện thảo luận là các nhân tố chính ảnh hưởng đến việc tham gia vào các hoạt động thảo luận của sinh viên. Bên cạnh đó, ý kiến đóng góp của mỗi thành viên đóng vai trò trọng tâm trong quá trình thảo luận. Do đó, đây là những nhân tố chính mà giáo viên cần cân nhắc khi triển khai các hoạt động thảo luận.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Bối cảnh nghiên cứu

Học phần Kĩ năng nói tiếng Anh 4 là một trong năm học phần giảng dạy kĩ năng nói trong nhóm các học phần thực hành tiếng. Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Sinh viên được trang bị kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và các chiến lược nói để có thể giao tiếp về nhiều chủ đề, trình bày những bài thuyết trình tương đối phức tạp, lập luận và bảo vệ quan điểm của mình một cách tương đối rõ ràng, chặt chẽ và phù hợp về các chủ đề như công nghệ, lịch sử, môi trường, y tế, tâm lí, xã hội hoặc các chủ đề tương đương trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

Hoạt động thảo luận được áp dụng trong học phần nhằm mục tiêu phát triển khả năng lập luận và bảo vệ quan điểm về các chủ đề khác nhau. Chương trình gồm 10 bài học thuộc 6 chủ đề khác nhau. Các hoạt động học tập trong chương trình đa dạng trong đó chủ yếu là hoạt động thảo luận. Với mỗi chủ đề trong chương trình, ngoài các hoạt động thảo luận thông thường, giáo viên sẽ tổ chức hoạt

động thảo luận mô phỏng hình thức diễn đàn xoay quanh một chủ điểm. Lớp học được chia thành các nhóm nhỏ. Mỗi chủ điểm được đưa ra thảo luận từ các góc nhìn của 3-4 vai trò khác nhau. Mỗi nhóm có một trưởng nhóm điều hành quá trình thảo luận đồng thời tham gia thảo luận, đưa ý kiến cùng các thành viên trong nhóm. Sau khi thực hiện phần thảo luận, các nhóm tiến hành nhận xét cho nhau và nhận phản hồi từ giáo viên.

4.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm 110 sinh viên năm thứ 2 ngành Ngôn ngữ Anh. Trước khi học học phần Kĩ năng nói tiếng Anh 4, sinh viên đã hoàn thành ba học phần Kĩ năng nói tiếng Anh và đạt trình độ tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.

4.3.Thu thập và phân tích dữ liệu

Dữ liệu được thu thập thông qua hai hình thức bao gồm khảo sát và phỏng vấn sâu dành cho sinh viên. Khảo sát được thực hiện với 170 sinh viên năm thứ 2 bằng hình thức trực tuyến. Bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên mô hình nghiên cứu của Wade (1994) và được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh nghiên cứu tại một trường công lập ở Việt Nam. Bảng câu hỏi được thiết kế trên Google Form và được gửi tới toàn bộ 170 sinh viên năm thứ 2 ngành Ngôn ngữ Anh. Có 119 sinh viên trả lời khảo sát. Trong đó có 9 phiếu trả lời không hợp lệ và đã được loại ra khỏi bảng số liệu phân tích.

Bảng câu hỏi gồm 30 câu, được chia thành 2 phần.

Phần 1 bao gồm 13 câu hỏi về trải nghiệm tham gia các hoạt động thảo luận trong chương trình học của sinh viên. Các câu hỏi được chia theo hai khía cạnh: bảy câu hỏi đầu tiên xoay quanh trải nghiệm tâm lí của sinh viên khi tham gia các hoạt động thảo luận và được mã hóa từ T1 đến T7, tám câu hỏi còn lại tìm hiểu mức độ tham gia vào các hoạt động thảo luận của sinh viên và được mã hóa từ P1 đến P8. Sinh viên trả lời câu hỏi bằng cách đưa ra các lựa chọn theo mức độ thường xuyên phù hợp từ 1 (không bao giờ) đến 4 (luôn luôn).

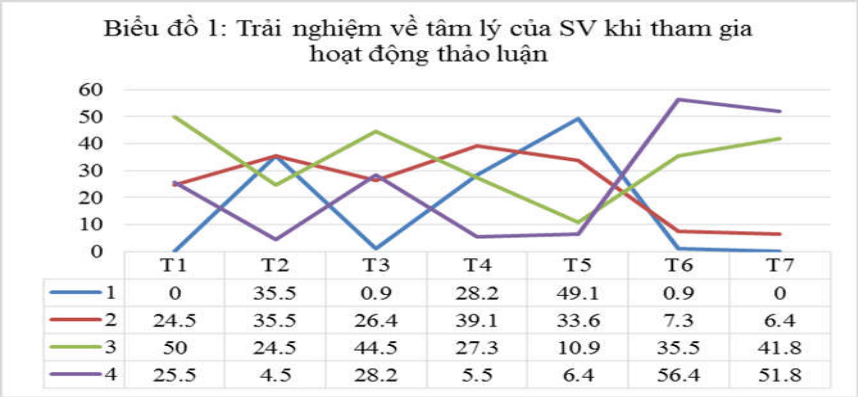
Phần 2 gồm 13 câu hỏi nhằm tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc tham gia các hoạt động thảo luận của sinh viên và được mã hóa từ F1 đến F13. Sinh viên trả lời câu hỏi bằng cách đưa ra các lựa chọn theo mức độ tham gia phù hợp từ 1 (tôi nói ít hơn) đến 3 (tôi nói nhiều hơn). Phần cuối của phiếu khảo sát bao gồm các thông tin dành cho những sinh viên tình nguyện tham gia phỏng vấn sau khảo sát.

Có 11 sinh viên tình nguyện tham gia phỏng vấn. Nhóm nghiên cứu liên hệ với sinh viên và tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc theo 3 nhóm, mỗi nhóm 3-4 thành viên. Mỗi lần phỏng vấn kéo dài 30-45 phút và thực hiện trực tuyến qua ứng dụng Zoom vào thời gian phù hợp với mỗi nhóm sinh viên. Nội dung phỏng vấn tập trung vào trải nghiệm tham gia thảo luận của sinh viên và những khó khăn sinh viên gặp phải khi tham gia thảo luận. Các sinh viên được mã hóa từ S1 đến S11.

Kết quả khảo sát được phân tích sử dụng phần mềm thống kê SPSS. Dữ liệu thu được từ phỏng vấn bán cấu trúc với những sinh viên đồng ý tham gia phỏng vấn được mã hóa theo chủ đề và phân tích, kết hợp với kết quả khảo sát để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia vào các hoạt động thảo luận của sinh viên.

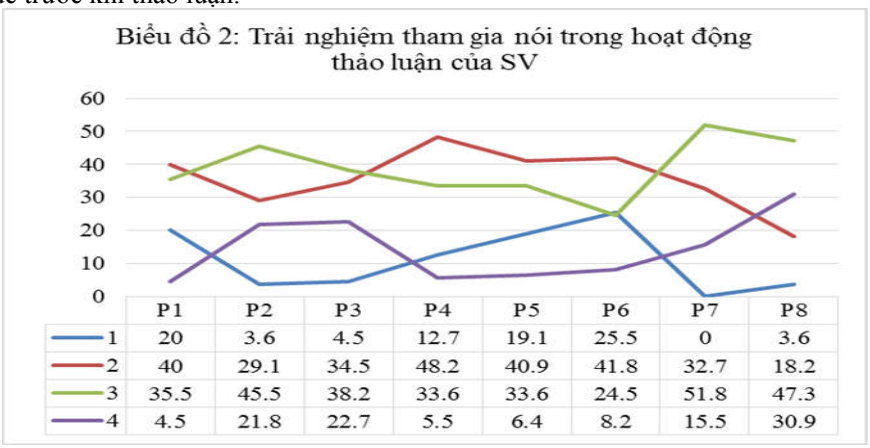
5. Kết quả nghiên cứu về những yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia thảo luận khi học kĩ năng nói tiếng Anh từ góc nhìn của sinh viên

5.1. Trải nghiệm tham gia các hoạt động thảo luận của sinh viên



	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	0	35.5	0.9	28.2	49.1	0.9	0
2	24.5	35.5	26.4	39.1	33.6	7.3	6.4
3	50	24.5	44.5	27.3	10.9	35.5	41.8
4	25.5	4.5	28.2	5.5	6.4	56.4	51.8

Số liệu trong biểu đồ 1 cho thấy 75,5% SV khẳng định thích chia sẻ ý tưởng trong các hoạt động thảo luận (T1) và 72,7% có trải nghiệm học tập hào hứng hơn khi tham gia thảo luận (T3). 49,1% đánh giá cao vai trò của hoạt động thảo luận khi cho rằng những hoạt động này hoàn toàn không gây tốn thời gian (T5). 91,9% cho rằng hoạt động thảo luận giúp SV học hỏi được nhiều hơn. Mặc dù có 35,5% SV thể hiện không e ngại bị giáo viên phê bình khi tham gia thảo luận, có 29% thể hiện mức độ e ngại bị giáo viên phê bình ở mức thường xuyên và luôn luôn (T2) và 32,8% e ngại ý tưởng của mình không được bạn bè đánh giá tích cực (T4). 93,6% thể hiện mong muốn có thêm thời gian suy nghĩ về chủ đề trước khi thảo luận.



	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8
1	20	3.6	4.5	12.7	19.1	25.5	0	3.6
2	40	29.1	34.5	48.2	40.9	41.8	32.7	18.2
3	35.5	45.5	38.2	33.6	33.6	24.5	51.8	47.3
4	4.5	21.8	22.7	5.5	6.4	8.2	15.5	30.9

Theo biểu đồ 2, tỉ lệ SV có thời lượng nói nhiều trong các hoạt động thảo luận ở mức cao, với 40% khẳng định có nhiều ý tưởng để chia sẻ và chiếm thời lượng nói của thành viên khác trong nhóm ở mức thường xuyên và luôn luôn, 40% ở mức thỉnh thoảng (P1). 67,3% khẳng định chỉ nói khi thực sự muốn chia sẻ (P2) và nói thẳng vào vấn đề (P7), 78.2% cho rằng mình biết lắng nghe tốt trong các hoạt động thảo luận (P8). Tuy nhiên, tỉ lệ SV gặp khó khăn trong việc thể hiện ý tưởng ở mức thường xuyên và luôn luôn là 60,9%. 39,1% không bắt kịp được với tốc độ thảo luận của các thành viên trong nhóm (P4), 40% không nghe các thành viên khác nói do phải suy nghĩ ý tưởng trả lời (P5) và 32,7% có ít cơ hội nói do các thành viên khác chiếm mất thời lượng nói (P6).

Phân tích khám phá nhân tố cho thấy các câu hỏi về trải nghiệm tâm lí của sinh viên khi tham gia các hoạt động thảo luận hội tụ thành 2 nhóm.

Nhóm 1 (mã hóa là THOU1) gồm các câu hỏi T4 *(Tôi sợ bạn bè coi thường ý tưởng thảo luận của tôi),* T2 *(Tôi sợ giáo viên chỉ trích phần thảo luận của mình*), T5 *(Đa phần các buổi thảo luận đều lãng phí thời gian)* và T6 *(Tôi nghĩ các buổi thảo luận giúp tôi học được nhiều hơn).*

Nhóm 2 (mã hóa là THOU2) gồm các câu hỏi T1 *(Tôi thích chia sẻ ý tưởng trong thảo luận),* T7 *(Tôi thích có thời gian suy nghĩ trước khi thảo luận)*, T3 *(Tôi thích giờ học hơn khi tôi tham gia thảo luận).*

Trong khi đó, các câu hỏi về mức độ tham gia các hoạt động thảo luận của sinh viên hội tụ thành 3 nhóm.

Nhóm 1 (mã hóa là PAR1) gồm các câu hỏi P2 *(Tôi chỉ nói khi có điều thật sự muốn nói),* P3 *(Tôi gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý rõ ràng),* P5 *(Tôi không nghe vì tôi bận phải nghĩ ý cần nói tiếp theo).*

Nhóm 2 (mã hóa là PAR2) gồm các câu hỏi P4 *(Khi tôi có ý để nói thì các thành viên khác đã chuyển sang thảo luận vấn đề khác),* P1 *(Tôi có quá nhiều ý để nói nên tôi gặp khó khăn trong việc cho các thành viên khác nói),* P6 *(Tôi không tham gia thảo luận vì thành viên khác nói quá nhiều).* Nhóm 3 (mã hóa là PAR3) gồm các câu hỏi P7 *(Khi tôi nói, tôi thường trình bày ngắn gọn và đi thẳng vào vấn đề)* và P8 *(Tôi lắng nghe kĩ các thành viên trong nhóm khi thảo luận).*

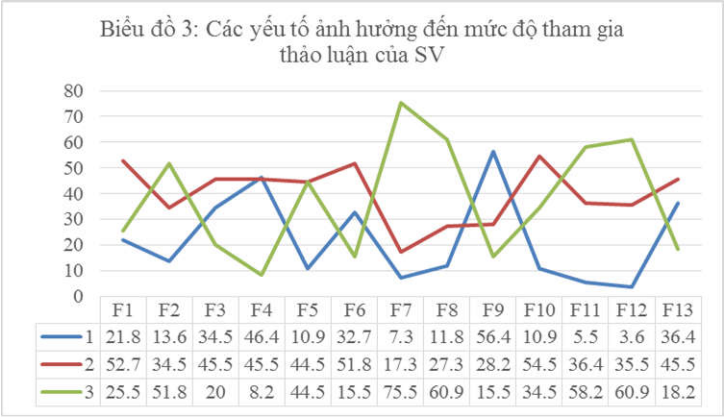
***Bảng 1**. Ma trận xoay nhân tố về trải nghiệm tham gia các hoạt động thảo luận của sinh viên*

	Thành phần	
	1	2
T4	.798	
T2	.771	
T5	.661	
T6	537	
T1		713
T7		.682
T3		.671

***Bảng 2**. Ma trận xoay nhân tố về mức độ tham gia các hoạt động thảo luận của sinh viên*

	Thành phần		
	1	2	3
P2	.757		
P3	.712		
P5	.694		
P4		.776	
P1		.738	
P6		.630	
P8			.805
P7			.777

5.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia các hoạt động thảo luận của sinh viên



Biểu đồ 3 cho thấy SV có xu hướng nói nhiều hơn khi có thành viên trong nhóm nói nhiều (F1), có kiến thức nền phong phú (F2), được GV quan tâm (F5), có sự chuẩn bị và suy nghĩ trước khi thảo

luận (F7, F8), được phân vai cụ thể trong hoạt động thảo luận (F10), được thực hành trong nhóm nhỏ trước khi thảo luận với nhóm lớn (F11), và được thành viên trong lớp khích lệ và đánh giá cao (F12). Ngược lại, SV có xu hướng nói ít đi khi bị các thành viên trong nhóm phê bình (F3), chủ đề không gây được hứng thú (F4), có mâu thuẫn cá nhân với thành viên trong nhóm (F6), thiếu kiến thức ngôn ngữ về chủ đề thảo luận (F9) và bị GV phê bình (F13).

Phân tích khám phá nhân tố cho thấy có 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng và 2 biến rác (F6 và F1). Nhóm 1 (mã hóa là FAC1) gồm các câu hỏi F9 (Thiếu kiến thức ngôn ngữ liên quan đến chủ đề), F3 (Sự phê bình của bạn học), ngược F13 (Giáo viên hay phê bình, chỉ trích), và F4 (Thiếu hứng thú với chủ đề). Nhóm 2 (mã hóa là FAC2) gồm các câu hỏi F8 (Có thời gian suy nghĩ trước khi nói), F12 (Sự công nhận và khuyến khích của bạn học) và F7 (Chuẩn bị trước buổi thảo luận). Nhóm 3 (mã hóa là FAC3) gồm các câu hỏi F2 (Có kiến thức nền về chủ đề) và F5 (Được giáo viên quan tâm). Nhóm 4 (mã hóa là FAC4) gồm các câu hỏi F10 (Được phân công đóng vai cụ thể trong buổi thảo luận) và F11 (Thảo luận theo cặp/ trong nhóm nhỏ trước khi thảo luận trong nhóm lớn).

Bảng 3. *Ma trận xoay nhân tố các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia thảo luận của sinh viên*

	1	2	3	4
F9	.769			
F3	.652			
F13	.555			
F4	.524			
F8		.806		
F12		.636		
F7		.601		
F2			.753	
F5			.705	
F10				.677
F11				.609

Bảng 4. *Ma trận tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia thảo luận và mức độ tham gia thảo luận (Nhóm 1 - PAR1)*

	PAR1
THOU1	.576**
THOU2	0.071
FAC1	0.062
FAC2	-0.009
FAC3	0.024
FAC4	0.086

Bảng 5. *Ma trận tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia thảo luận và mức độ tham gia thảo luận (Nhóm 2 - PAR2)*

	PAR2
THOU1	.524**
THOU2	-0 1
FAC1	.485**
FAC2	0.021
FAC3	0.033
FAC4	0.007

Bảng 6. *Ma trận tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia thảo luận và mức độ tham gia thảo luận (Nhóm 3 - PAR3)*

	PAR3
THOU1	0.138
THOU2	.479**
FAC1	-.221*
FAC2	.197*
FAC3	.231*
FAC4	.252**

Khi phân tích tương quan giữa trải nghiệm tâm lí và các yếu tố ảnh hưởng với mức độ tham gia thảo luận của SV thì kết quả phân tích cho thấy Nhóm THOU1 có tương quan với Nhóm PAR1, Nhóm THOU1 và FAC1 có tương quan với Nhóm PAR2, Nhóm THOU2, FAC1, FAC2, FAC3, và FAC4 có tương quan với Nhóm PAR3, trong đó FAC1 có mối tương quan âm ($r \neq 0$). ($p < 0.05$).

Để hiểu được tác động của các nhân tố đến việc tham gia thảo luận của sinh viên, phương pháp phân tích hồi quy được sử dụng.

***Bảng 7**. Kết quả phân tích hồi quy với mức độ tham gia thảo luận Nhóm 1 (PAR1)*

		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	p-value
		B	Sai số chuẩn	Beta		
1	(Hệ số chặn)	.740	.227		3.266	.001
	THOU1	.530	.072	.576	7.327	.000

***Bảng 8**. Kết quả phân tích hồi quy với mức độ tham gia thảo luận Nhóm 2 (PAR2)*

		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	p-value
		B	Sai số chuẩn	Beta		
1	(Hệ số chặn)	.569	.272		2.093	.039
	THOU1	.375	.073	.412	5.153	.000
	FAC1	.459	.104	.353	4.426	.000

***Bảng 9**. Kết quả phân tích hồi quy với mức độ tham gia thảo luận Nhóm 3 (PAR3)*

		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	p-value
		B	Sai số chuẩn	Beta		
1	(Hệ số chặn)	.974	.473		2.060	.042
	FAC1	-.274	.100	-.220	-2.751	.007
	THOU2	.496	.099	.418	4.988	.000
	FAC2	.034	.109	.027	.313	.755
	FAC3	.133	.087	.129	1.533	.128
	FAC4	.263	.106	.203	2.488	.014

Kết quả cho thấy Nhóm THOU1 có tác động cùng chiều với Nhóm PAR1; Nhóm THOU1, Nhóm FAC1 có tác động cùng chiều với Nhóm PAR2; Nhóm FAC1, THOU2 và FAC4 có tác động lên Nhóm PAR 3 ($p< 0.05$), trong đó Nhóm THOU2 và Nhóm FAC4 có tác động cùng chiều ($B>0$), còn Nhóm FAC1 có tác động ngược chiều ($B<0$).

Cụ thể, Nhóm PAR1 mô tả việc tham gia thiếu tích cực (chỉ nói khi có điều thực sự muốn nói, không nghe trong quá trình thảo luận) và những khó khăn khi tham gia thảo luận (thiếu ý tưởng để thảo luận, khó khăn trong diễn đạt ý). Đây thường là đặc điểm tham gia thảo luận của những sinh viên có năng lực ngôn ngữ thấp. Nhóm này chịu tác động cùng chiều của Nhóm THOU1 chính là do suy nghĩ thiếu tích cực khi tham gia thảo luận như sợ bị bạn bè chê cười, thầy cô chỉ trích, cảm thấy không học được nhiều từ buổi thảo luận và cảm thấy lãng phí thời gian. Điều này cũng được sinh viên khẳng định thông qua phỏng vấn. Sinh viên S3 cho biết "*Đôi khi có thành viên trong nhóm hầu như không tham gia thảo luận, bạn rụt rè và không diễn đạt được ý của mình*.".

Nhóm PAR2 thể hiện sự tương tác, phối hợp với nhau trong quá trình thảo luận. Việc thiếu sự phối hợp ăn ý trong quá trình thảo luận ngoài bị tác động bởi những suy nghĩ tiêu cực thuộc Nhóm THOU1, còn là do chịu ảnh hưởng của Nhóm FAC1. Nguyên nhân dẫn đến sự phối hợp chưa tốt và thời lượng nói trong thảo luận ít là do có chủ đề không hấp dẫn, không gây được hứng thú, sinh viên thiếu kiến thức ngôn ngữ và kiến thức nền về chủ đề. Sinh viên S9 chia sẻ "*Có những lúc em không dám nói vì sợ mình nói sai ngữ pháp, hơn nữa ở trình độ này một số chủ đề hơi khó với em*.".

Nhóm PAR3 mô tả đặc điểm tham gia thảo luận hiệu quả bao gồm trình bày ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề và lắng nghe các thành viên trong khi thảo luận. Việc tham gia thảo luận hiệu quả là do sinh viên có suy nghĩ tích cực như thích chia sẻ, thích tham gia đóng góp vào bài học. Sinh viên S4 cho rằng *"Theo em các hoạt động nói đều có ích và giúp mình luyện kĩ năng nói, vì vậy em luôn có ý thức chủ động tham gia các hoạt động nói trong giờ học."*. Bên cạnh đó, việc tổ chức lớp học cũng vô cùng quan trọng giúp sinh viên tham gia thảo luận hiệu quả: sinh viên có đủ thời gian để suy nghĩ trước khi thảo luận, được phân công vai cụ thể và được thảo luận theo cặp, nhóm nhỏ trước khi thảo luận với nhóm lớn hơn. 100% sinh viên tham gia phỏng vấn đồng ý với điều này. Sinh viên S8 khẳng định "*Chúng em được thảo luận theo nhóm 4 người trước khi thảo luận với nhóm khác, do đó việc trình bày lại ý tưởng của mình dễ hơn lúc đầu*.". Tuy nhiên, các yếu tố thuộc Nhóm FAC1 sẽ làm cản trở việc tham gia thảo luận hiệu quả: thiếu kiến thức ngôn ngữ về chủ đề, chủ đề thiếu hấp dẫn, và môi trường học tập không thân thiện, hợp tác. Theo sinh viên S1 "*Mặc dù em tích cực tham gia thảo luận nhưng nếu các bạn trong nhóm không tham gia hoặc thờ ơ thì cũng có lúc khiến cho em ngại nói tiếp*.".

5. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu cho thấy những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia các hoạt động thảo luận bao gồm các yếu tố chủ quan thuộc về (1) nhận thức và tâm lí như sợ sai, sợ bạn bè, thầy cô phê bình, chưa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động thảo luận trong việc rèn luyện kĩ năng nói; (2) kiến thức ngôn ngữ và kiến thức nền còn hạn chế; và (3) các yếu tố liên quan đến việc thực hiện các hoạt động thảo luận như mức độ tham gia và thái độ của các thành viên trong nhóm khi thảo luận, tính hấp dẫn của chủ đề, cách thức tổ chức hoạt động thảo luận.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số chiến lược giúp giảng viên có thể làm tăng mức độ tham gia của sinh viên và tính hiệu quả của hoạt động thảo luận bao gồm:

(1) Lựa chọn chủ đề thảo luận có tính hấp dẫn, gây hứng thú với người học;

(2) Cung cấp thêm tài liệu, bài tập thực hành ngoài giờ để bổ sung kiến thức ngôn ngữ, kiến thức nền cần thiết liên quan đến chủ đề bài học;

(3) Phân công nhiệm vụ rõ ràng trước khi thảo luận, cho sinh viên thời gian chuẩn bị phù hợp, thảo luận theo cặp, nhóm nhỏ trước khi thảo luận theo nhóm lớn;

(4) Tạo không khí hợp tác trong lớp học, hỗ trợ và khuyến khích sinh viên khá giỏi hỗ trợ các sinh viên yếu hơn trong nhóm, ghi nhận sự đóng góp của sinh viên và đưa ra những nhận xét mang tính xây dựng.

Mặc dù nghiên cứu này đã đạt được mục đích ban đầu đặt ra nhưng bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế nhất định. Thứ nhất, nghiên cứu mới được thực hiện ở quy mô điều tra nhỏ nên tính khái quát có thể bị hạn chế. Thứ hai, nghiên cứu tập trung chủ yếu vào những nhân tố thuộc về bản thân

hoạt động trong lớp học mà chưa đánh giá những yếu tố bên ngoài hệ thống như cơ sở vật chất lớp học, mối quan hệ giữa hoạt động thảo luận với hoạt động kiểm tra đánh giá. Đây là những hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu cho các nghiên cứu trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aleksandrzak, M. (2020), *Developing speaking skills at advanced level–the perspective of language department students and the implications for language teaching*. Open-Access-Publikation im Sinne der CC-Lizenz BY-NC-ND 4.0.
2. Ewens, W. (2000), *Teaching using discussion*. In R. Neff and M. Weimer (Eds.), Classroom communication: Collected readings for effective discussion and questioning (pp. 21–26). Madison WI: Atwood Publishing.
3. Hertenstein, J. H. (1991), *Patterns of participation*. In C. R. Christensen, D. A. Garvin, & A. Sweet (Eds.), Education for judgment: The artistry of discussion leadership (pp. 175–191). Boston: Harvard Business School Press.
4. Leeds, M., Stull, W., & Westbrook, J. (1998), *Do changes in classroom techniques matter? Teaching strategies and their effects on teaching evaluations.* Journal of Education for Business, 74, 75–78.
5. Littlewood, W. (1981), *Communicative Language Teaching*. Cambridge: Camridge University Press.
6. Melvina, M.L. (2016), *Classroom discussion: an activity to promote speaking in a foreign language*. TELL-US Journal, 2(2).
7. Menggo, S. (2016), *The effect of discussion technique and English learning motivation toward students' speaking ability*. Jurnal Pendidikan dan Kebudayaan Missio, 8(1), 112-119.
8. Mohammed, A. M. K. A., & Ahmed, R. B. A. (2021), *The Impact of Discussion Activities on Improving Students' Fluency in Speaking Skill*. British Journal of English Linguistics, 9(1), 1-10.
9. Rao, P. (2018), *Teaching speaking skills In English language classrooms through various techniques and activities*. ELT Vibes: International E-Journal for Research in ELT. 4(4) 141-157.
10. Wade, R. C. (1994), *Teacher education students' views on class discussion: Implications for fostering critical reflection*. Teaching and teacher education, 10(2), 231-243.

Factors affecting students' participation in discussion activities in English speaking skills

Abstract: This study aims at investigating the factors influencing the participation in discussion activities of second-year English majors at a university in Vietnam. A mixed method design was employed through questionnaires with 110 and semi-structured interviews with 11 participants. The quantitative data were analyzed using SPSS and the data collected from interviews were transcribed and coded for further analysis. The results of the study reveal three groups of factors affecting students' participation in discussion activities including (1) Mindset and psychological factors, (2) Background and language knowledge, and (3) Factors involving implementing discussion activities. Some suggestions to encourage more positive participation were therefore proposed by the researchers, providing educational implications for teachers and practitioners in applying group discussion activities in teaching speaking skills.

Key words: factors; speaking; English; discussions; participation.